

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc và
Báo cáo tài chính giữa niên độ

Ngày 30 tháng 6 năm 2015

1.37
C
H
1
2
4

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo về kết quả công tác soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ	3
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	4 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	9 - 10
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ	11
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ	12 - 40

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy phép thành lập công ty số 249/GP-UB do Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương cấp vào ngày 18 tháng 10 năm 1999, sổ Đăng ký kinh doanh số 060250 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp vào ngày 28 tháng 12 năm 1999 và Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 04/GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp vào ngày 8 tháng 4 năm 2000.

Hoạt động chính của Công ty là môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán và giao dịch ký quỹ chứng khoán.

Công ty có trụ sở chính tại số 9 Hoàng Văn Thụ, Khu Đô thị Chánh Nghĩa, Thị xã Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương; một (1) chi nhánh tại số 521 Hồng Bàng, Phường 14, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh; một (1) chi nhánh tại tầng 3, số 81 - 83 phố Lò Đúc, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị Công ty trong kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 và tới ngày lập báo cáo này như sau:

Họ tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Nguyễn Văn Dành	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 12 tháng 8 năm 2014
Ông Trần Thiện Thế	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 22 tháng 8 năm 2012
Bà Chang Ya Wen	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 22 tháng 8 năm 2012
Ông Wu Jin Tang	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 22 tháng 8 năm 2012
Ông Quảng Văn Viết Cường	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 12 tháng 8 năm 2014

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát Công ty trong kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 và tới ngày lập báo cáo này như sau:

Họ tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Huỳnh Vĩnh Thành	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 22 tháng 8 năm 2012
Bà Bùi Thị Hồng Tuyền	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 22 tháng 8 năm 2012
Ông Nguyễn Danh Tùng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 22 tháng 8 năm 2012

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc và Kế toán Trưởng Công ty trong kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 và tới ngày lập báo cáo này như sau:

Họ tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Trần Thiện Thế	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 22 tháng 8 năm 2012
Ông Nguyễn Quốc Bảo	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 21 tháng 6 năm 2010
Ông Huỳnh Vĩnh Thành	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 21 tháng 6 năm 2010
Bà Chung Kim Hoa	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 21 tháng 6 năm 2010
Bà Huỳnh Thị Mai	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 21 tháng 6 năm 2010
	Kế toán Trưởng	Bổ nhiệm ngày 31 tháng 12 năm 1999

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 và tới ngày lập báo cáo này là Ông Trần Thiện Thế, chức vụ Tổng Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính giữa niên độ cho từng kỳ kế toán của Công ty phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ của Công ty. Trong quá trình lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các quy định, hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:

Ông Trần Thiện Thế
Tổng Giám Đốc

Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Ngày 10 tháng 8 năm 2015



Building a better
working world

Ernst & Young Vietnam Limited
28th Floor, Bitexco Financial Tower
2 Hai Trieu Street, District 1
Ho Chi Minh City, S.R. of Vietnam

Tel: +84 8 3824 5252
Fax: +84 8 3824 5250
ey.com

Số tham chiếu: 60859557/17859858-SX

BÁO CÁO VỀ KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty Cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất ("Công ty"), được lập ngày 10 tháng 8 năm 2015 và được trình bày từ trang 4 đến trang 40, bao gồm bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo.

Việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra báo cáo kết quả công tác soát xét về báo cáo tài chính giữa niên độ này dựa trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam số 910 - Công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công tác soát xét để có sự đảm bảo vừa phải về việc liệu báo cáo tài chính giữa niên độ có còn các sai sót trọng yếu hay không. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích đối với những thông tin tài chính. Do đó, công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Dựa trên cơ sở công tác soát xét, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các quy định, hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Nguyễn Xuân Đại
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0452-2013-004-1

Võ Ngọc Minh
Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 2105-2013-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 10 tháng 8 năm 2015

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ
tại ngày 30 tháng 6 năm 2015

B01a-CTCK

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2015	31/12/2014
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		385.099.806.348	378.525.957.620
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	214.440.822.312	269.865.029.118
111	1. Tiền		118.340.822.312	112.808.779.118
112	2. Các khoản tương đương tiền		96.100.000.000	157.056.250.000
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		76.144.318.806	71.940.746.026
121	1. Đầu tư ngắn hạn	6.1	84.227.832.429	81.773.374.969
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	7	(8.083.513.623)	(9.832.628.943)
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn	8	92.964.524.511	35.773.884.182
131	1. Phải thu khách hàng		25.000.000	-
135	2. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	8.1	92.037.825.712	34.868.472.588
138	3. Các khoản phải thu khác	8.1	6.605.397.418	6.646.833.305
139	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	8.2	(5.703.698.619)	(5.741.421.711)
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		1.550.140.719	946.298.294
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		1.518.040.719	934.798.294
158	2. Tài sản ngắn hạn khác		32.100.000	11.500.000
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		79.020.994.786	78.910.652.634
220	I. Tài sản cố định		9.643.458.652	10.126.968.400
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	9.041.064.689	9.383.067.745
222	- Nguyên giá		24.477.069.636	24.477.069.636
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(15.436.004.947)	(15.094.001.891)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	602.393.963	743.900.655
228	- Nguyên giá		7.963.645.031	7.963.645.031
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(7.361.251.068)	(7.219.744.376)
250	II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		61.429.604.447	61.468.073.978
253	1. Đầu tư chứng khoán dài hạn		15.000.000.000	15.000.000.000
255	- Chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn	6.2	15.000.000.000	15.000.000.000
258	2. Đầu tư dài hạn khác	6.3	52.260.534.600	52.260.534.600
259	3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	7	(5.830.930.153)	(5.792.460.622)
260	III. Tài sản dài hạn khác		7.947.931.687	7.315.610.256
263	1. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	11	7.505.427.127	6.873.105.696
268	2. Tài sản dài hạn khác		442.504.560	442.504.560
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		464.120.801.134	457.436.610.254

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2015

B01a-CTCK

VNĐ

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2015	31/12/2014
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		110.618.413.992	101.662.591.729
310	I. Nợ ngắn hạn		108.618.413.992	99.662.591.729
312	1. Phải trả người bán		301.130.000	433.884.000
314	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	12	1.965.391.105	1.551.319.665
315	3. Phải trả người lao động		495.880.105	416.485.000
320	4. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	13	100.857.978.572	90.823.164.659
321	5. Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu		45.816	45.816
322	6. Phải trả tổ chức phát hành chứng khoán		214.656.372	212.122.776
323	7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		1.950.526.224	3.176.598.624
328	8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	14	2.832.805.798	3.048.971.189
330	II. Nợ dài hạn		2.000.000.000	2.000.000.000
339	1. Dự phòng bồi thường thiệt hại nhà đầu tư		2.000.000.000	2.000.000.000
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		353.502.387.142	355.774.018.525
410	I. Vốn chủ sở hữu		353.502.387.142	355.774.018.525
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		300.000.000.000	300.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		924.317.200	924.317.200
417	3. Quỹ đầu tư phát triển		10.398.484.336	10.398.484.336
418	4. Quỹ dự phòng tài chính		9.550.228.802	9.550.228.802
420	5. Lợi nhuận chưa phân phối		32.629.356.804	34.900.988.187
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		464.120.801.134	457.436.610.254

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2015

B01a-CTCK

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	30/06/2015	31/12/2014
005	1. Ngoại tệ các loại	30.741.930	30.741.930
006	2. Chứng khoán lưu ký	1.266.983.460.000	1.110.885.300.000
	<i>Trong đó:</i>		
007	2.1. Chứng khoán giao dịch	1.052.634.420.000	1.021.879.860.000
008	2.1.1. Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	39.716.640.000	39.169.960.000
009	2.1.2. Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	972.993.280.000	919.985.690.000
010	2.1.3. Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài	39.924.500.000	62.724.210.000
012	2.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	11.080.050.000	11.426.960.000
014	2.2.1. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	11.080.050.000	11.426.960.000
017	2.3. Chứng khoán cầm cố	38.264.170.000	43.464.170.000
019	2.3.1. Chứng khoán cầm cố của khách hàng trong nước	38.264.170.000	43.464.170.000
027	2.4. Chứng khoán chờ thanh toán	48.562.950.000	33.827.260.000
028	2.4.1. Chứng khoán chờ thanh toán của thành viên lưu ký	251.100.000	280.900.000
029	2.4.2. Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước	43.327.350.000	31.223.360.000
030	2.4.3. Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng nước ngoài	4.984.500.000	2.323.000.000
032	2.5. Chứng khoán phong tỏa chờ rút	707.940.000	-
034	2.5.1. Chứng khoán phong tỏa chờ rút của khách hàng trong nước	707.940.000	-
037	2.6. Chứng khoán chờ giao dịch	9.806.240.000	287.050.000
038	2.6.1. Chứng khoán chờ giao dịch của thành viên lưu ký	50.000	-
039	2.6.2. Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng trong nước	9.691.280.000	287.050.000
040	2.6.3. Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng nước ngoài	114.910.000	-
042	2.7. Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay	105.927.690.000	-
044	2.7.1. Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay của khách hàng trong nước	96.586.790.000	-
045	2.7.2. Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay của khách hàng nước ngoài	9.340.900.000	-

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2015

B01a-CTCK

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	30/06/2015	31/12/2014
050	3. Chứng khoán lưu ký công ty đại chúng chưa niêm yết	219.704.110.000	204.757.530.000
	<i>Trong đó:</i>		
051	3.1. Chứng khoán giao dịch	215.592.110.000	201.608.530.000
052	3.1.1. Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	7.332.340.000	6.932.120.000
053	3.1.2. Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	187.786.800.000	176.982.080.000
054	3.1.3. Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài	20.472.970.000	17.694.330.000
066	3.2. Chứng khoán tạm giữ	-	2.853.000.000
068	3.2.1. Chứng khoán tạm giữ của khách hàng trong nước	-	2.853.000.000
071	3.3. Chứng khoán chờ thanh toán	4.112.000.000	296.000.000
072	3.3.1. Chứng khoán chờ thanh toán của thành viên lưu ký	2.640.000.000	-
073	3.3.2. Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước	1.472.000.000	296.000.000

Người lập:

Người kiểm soát:

Người phê duyệt:



Huỳnh Thị Mai
Kế toán Trưởng



Bùi Thị Hồng Tuyền
Trưởng phòng Kiểm soát Nội bộ



Trần Thiện Thế
Tổng Giám đốc

Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Ngày 10 tháng 8 năm 2015

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

B02a-CTCK

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014
01	1. Doanh thu		21.505.817.820	32.530.483.857
	Trong đó:			
01.1	Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán		5.559.729.844	10.599.902.223
01.2	Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn		7.376.903.946	11.704.410.853
01.4	Doanh thu đại lý phát hành chứng khoán		43.164.082	-
01.5	Doanh thu hoạt động tư vấn		185.000.000	130.000.000
01.6	Doanh thu lưu ký chứng khoán		178.545.565	130.517.830
01.9	Doanh thu khác	16	8.162.474.383	9.965.652.951
10	2. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh		21.505.817.820	32.530.483.857
11	3. Chi phí hoạt động kinh doanh	17	(3.894.992.132)	(6.552.555.806)
20	4. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh		17.610.825.688	25.977.928.051
25	5. Chi phí quản lý doanh nghiệp	18	(2.472.976.546)	(2.832.019.311)
30	6. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		15.137.849.142	23.145.908.740
50	7. Tổng lợi nhuận trước thuế		15.137.849.142	23.145.908.740
51	8. Thuế TNDN hiện hành	19.1	(2.409.480.525)	(3.530.487.556)
60	9. Lợi nhuận sau thuế TNDN		12.728.368.617	19.615.421.184
70	10. Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu	15.2	424	654

Người lập:

Người kiểm soát:

Người phê duyệt:

Huỳnh Thị Mai
Kế toán Trưởng

Bùi Thị Hồng Tuyền
Trưởng phòng Kiểm soát Nội bộ

Trần Thiện Thế
Tổng Giám đốc

Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Ngày 10 tháng 8 năm 2015

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

B03a-CTCK

VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		15.137.849.142	23.145.908.740
02	2. Điều chỉnh cho các khoản	9,10	483.509.748	906.588.185
03	- Khấu hao TSCĐ	7,8,2	(1.748.368.881)	(2.305.974.804)
05	- Các khoản hoàn nhập dự phòng		(7.991.548.675)	(12.543.752.454)
	- Lãi từ hoạt động đầu tư			
08	3. Lãi từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		5.881.441.334	9.202.769.667
09	- (Tăng)/giảm các khoản phải thu		(57.979.169.084)	47.188.346.777
10	- Giảm/(tăng) đầu tư ngắn hạn		3.001.792.540	(6.340.326.420)
11	- Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		8.431.489.268	(38.576.957.405)
12	- Tăng chi phí trả trước		(583.242.425)	(763.493.873)
14	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	19.1	(1.885.147.530)	(6.363.083.944)
16	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		-	(13.576.195)
20	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào)/từ hoạt động kinh doanh		(43.132.835.897)	4.333.678.607
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
26	1. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	176.960.000
27	2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		8.164.879.091	12.394.491.204
30	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư		8.164.879.091	12.571.451.204

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

B03a-CTCK

VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014
36	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH 1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	15.4	(15.000.000.000)	(15.000.000.000)
40	Lưu chuyển tiền sử dụng vào hoạt động tài chính		(15.000.000.000)	(15.000.000.000)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(49.967.956.806)	1.905.129.811
60	Tiền và các khoản tương đương đầu kỳ		264.408.779.118	285.736.515.856
70	Tiền và các khoản tương đương cuối kỳ	4	214.440.822.312	287.641.645.667

Người lập:

Người kiểm soát:

Người phê duyệt:






Huỳnh Thị Mai
Kế toán Trưởng

Bùi Thị Hồng Tuyền
Trưởng phòng Kiểm soát Nội bộ

Trần Thiện Thế
Tổng Giám đốc

Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Ngày 10 tháng 8 năm 2015

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU GIỮA NIÊN ĐỘ tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B05a-CTCK

VNĐ

CHỈ TIÊU	Số dư đầu kỳ		Số tăng (giảm)				Số dư cuối kỳ	
	Ngày 1 tháng 1 năm 2014	Ngày 1 tháng 1 năm 2015	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014		Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015		Ngày 30 tháng 6 năm 2014	Ngày 30 tháng 6 năm 2015
			Tăng	(Giảm)	Tăng	(Giảm)		
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	300.000.000.000	300.000.000.000	-	-	-	-	300.000.000.000	300.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	924.317.200	924.317.200	-	-	-	-	924.317.200	924.317.200
3. Quỹ đầu tư phát triển	9.149.732.553	10.398.484.336	-	-	-	-	9.149.732.553	10.398.484.336
4. Quỹ dự phòng tài chính	8.865.053.214	9.550.228.802	-	(13.576.195)	-	-	8.851.477.019	9.550.228.802
5. Lợi nhuận chưa phân phối	13.672.207.883	34.900.988.187	19.615.421.184	-	12.728.368.617	(15.000.000.000)	33.287.629.067	32.629.356.804
TỔNG CỘNG	332.611.310.850	355.774.018.525	19.615.421.184	(13.576.195)	12.728.368.617	(15.000.000.000)	352.213.155.839	353.502.387.142

Người lập:



Huỳnh Thị Mai
Kế toán Trưởng

Người kiểm soát:



Bùi Thị Hồng Tuyền
Trưởng phòng Kiểm soát Nội bộ

Người phê duyệt:



Trần Thiện Thế
Tổng Giám đốc

Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Ngày 10 tháng 8 năm 2015

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

B09a-CTCK

tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy phép thành lập công ty số 249/GP-UB do Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương cấp vào ngày 18 tháng 10 năm 1999, và sổ Đăng ký kinh doanh số 060250 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp vào ngày 28 tháng 12 năm 1999, và Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 04/GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp vào ngày 8 tháng 4 năm 2000.

Hoạt động chính của Công ty là môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán và giao dịch ký quỹ chứng khoán.

Công ty có trụ sở chính tại số 9 Hoàng Văn Thụ, Khu đô thị Chánh Nghĩa, Thị xã Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương; một chi nhánh tại số 521 Hồng Bàng, Phường 14, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh; một chi nhánh tại tầng 3, số 81 - 83 phố Lò Đúc, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, vốn điều lệ của Công ty là 300 tỷ đồng Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 là: 58 người (31 tháng 12 năm 2014: 55 người).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 *Chuẩn mực và Chế độ Kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("đồng" hoặc "VNĐ") phù hợp với Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, các quy định và hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán tại Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008, Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010, Thông tư số 146/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 10 năm 2014, Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 27 - Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Công ty được phép lựa chọn trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ theo dạng đầy đủ như báo cáo tài chính năm quy định trong Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 21 - Trình bày báo cáo tài chính hoặc báo cáo tài chính tóm lược quy định trong Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 - Báo cáo tài chính giữa niên độ cho một kỳ kế toán giữa niên độ là kỳ lập báo cáo quý hoặc tháng.

Cho kỳ kế toán sáu tháng đầu năm 2015, Công ty lựa chọn công bố một bộ đầy đủ báo tài chính giữa niên độ giống như báo cáo tài chính năm. Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được lập trên cơ sở tuân thủ các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận tại Việt Nam. Theo đó, bảng cân đối kế toán giữa niên độ, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ, báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ và các thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không chủ định trình bày tình hình tài chính giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Chứng từ ghi sổ.

2.3 *Niên độ kế toán*

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 *Báo cáo tài chính giữa niên độ*

Công ty thực hiện lập báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 30 tháng 6.

2.5 *Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán*

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam ("VNĐ").

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 *Các thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh*

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập báo cáo tài chính giữa niên độ được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 và báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014.

3.2 *Các chuẩn mực và quy định đã ban hành nhưng chưa có hiệu lực*

Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán. Thông tư quy định các nội dung liên quan đến chứng từ kế toán, tài khoản kế toán và phương pháp kế toán, sổ kế toán, mẫu báo cáo tài chính, phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính áp dụng đối với các công ty chứng khoán. Thông tư này có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2016 và thay thế Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010.

Công ty dự kiến sẽ áp dụng khi những chuẩn mực và quy định này có hiệu lực.

3.3 *Tiền và các khoản tương đương tiền*

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá ba tháng kể từ ngày mua, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.4 *Các khoản phải thu*

Các khoản phải thu được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian tiếp theo.

Các khoản phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo tổn thất dự kiến có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết. Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào "*Chi phí quản lý doanh nghiệp*" trong kỳ.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 Các khoản phải thu (tiếp theo)

Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán thì mức trích lập dự phòng theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 do Bộ Tài chính ban hành như sau:

<u>Thời gian quá hạn</u>	<u>Mức trích dự phòng</u>
Từ trên 6 tháng đến dưới một 1 năm	30%
Từ 1 năm đến dưới 2 năm	50%
Từ 2 năm đến dưới 3 năm	70%
Từ 3 năm trở lên	100%

3.5 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản cố định hữu hình vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản cố định hữu hình. Các chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ khỏi bảng cân đối kế toán giữa niên độ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản cố định vô hình vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản cố định vô hình. Các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ khỏi bảng cân đối kế toán giữa niên độ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản cố định vô hình được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

3.7 Khấu hao

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	25 năm
Máy móc thiết bị	3 - 8 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	3 - 10 năm
Thiết bị dụng cụ quản lý	3 năm
Phần mềm tin học	3 - 15 năm

3.8 Thuê tài sản

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng dựa theo thời hạn của hợp đồng thuê.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần từ một (1) đến mười hai (12) tháng vào kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ:

- ▶ Chi phí thuê trả trước;
- ▶ Chi phí đồng phục nhân viên;
- ▶ Chi phí kiểm toán;
- ▶ Chi phí bảo trì hệ thống;
- ▶ Công cụ dụng cụ, thiết bị văn phòng;
- ▶ Chi phí sử dụng các dịch vụ khác.

3.10 Đầu tư chứng khoán

Thông tư số 95/2008/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 24 tháng 10 năm 2008 cho phép các công ty chứng khoán thực hiện hạch toán kế toán các khoản đầu tư chứng khoán theo một trong hai nguyên tắc là giá gốc hoặc giá trị hợp lý. Theo đó, Công ty đã lựa chọn phương pháp giá gốc để ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán.

3.10.1 Các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn

Đây là những chứng khoán có thời hạn thu hồi không quá một năm hoặc mua vào, bán ra chứng khoán để kiếm lời. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá thực tế mua chứng khoán (giá gốc), bao gồm: Giá mua cộng (+) các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng.

Lãi dự thu nhận được trong kỳ được ghi nhận giảm giá vốn chứng khoán đối với khoản lãi dồn tích trước ngày mua và ghi nhận tăng doanh thu đầu tư đối với phần lãi kể từ ngày mua.

Các chứng khoán này được xem xét khả năng giảm giá tại thời điểm lập báo cáo tài chính giữa niên độ. Các chứng khoán đầu tư ngắn hạn được lập dự phòng khi giá trị ghi sổ lớn hơn giá trị thị trường. Dự phòng giảm giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ trên khoản mục "*Chi phí hoạt động kinh doanh*".

3.10.2 Các khoản đầu tư chứng khoán dài hạn

Các khoản đầu tư chứng khoán dài hạn bao gồm các chứng khoán đầu tư dài hạn với mục đích nắm giữ đến ngày đáo hạn và chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán.

Chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn là các chứng khoán phi phái sinh được hưởng các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có thời gian đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Một loại chứng khoán đầu tư sẽ không được xếp vào nhóm nắm giữ đến ngày đáo hạn nếu trong kỳ tài chính hiện hành hoặc trong hai kỳ tài chính gần nhất, được bán hoặc phân loại lại với một số lượng đáng kể các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn trước ngày đáo hạn, trừ khi việc bán và phân loại lại là:

- ▶ Rất gần với thời điểm đáo hạn;
- ▶ Công ty đã thu về phần lớn tiền vốn gốc của loại chứng khoán theo kế hoạch thanh toán hoặc được thanh toán trước hạn; hoặc
- ▶ Do một sự kiện nằm ngoài tầm kiểm soát của Công ty, sự kiện này mang tính đơn lẻ không lặp lại và không thể dự đoán trước được.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.10 *Đầu tư chứng khoán* (tiếp theo)

3.10.2 *Các khoản đầu tư chứng khoán dài hạn* (tiếp theo)

Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán là các chứng khoán phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán mà không phải là các khoản đầu tư chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn hoặc là chứng khoán đầu tư ngắn hạn.

Các khoản đầu tư chứng khoán dài hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc cộng với chi phí giao dịch liên quan trực tiếp đến việc mua. Dự phòng giảm giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ nếu có bằng chứng khách quan cho thấy sự giảm giá trị chứng khoán.

3.10.3 *Các khoản đầu tư dài hạn khác*

Các khoản đầu tư dài hạn khác thể hiện các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác không vượt quá 20% quyền biểu quyết. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc. Dự phòng giảm giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ khi có bằng chứng khách quan về việc giảm giá lâu dài của khoản đầu tư.

3.11 *Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán*

3.11.1 *Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn và dài hạn*

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị thực tế trên thị trường thấp hơn giá trị sổ sách. Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư có thể chuyển nhượng được trên thị trường vào ngày kết thúc kỳ kế toán tương ứng với chênh lệch giữa giá trị sổ sách và giá trị thực tế trên thị trường tại ngày có giao dịch gần nhất nhưng không quá một tháng tính đến ngày trích lập dự phòng theo hướng dẫn của Thông tư số 146/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 10 năm 2014. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào "*Chi phí hoạt động kinh doanh trong kỳ*".

Giá trị thị trường của chứng khoán vốn niêm yết được xác định trên cơ sở giá đóng cửa của Sở giao dịch Chứng Khoán tại ngày 30 tháng 6 năm 2015.

Đối với các chứng khoán vốn của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCoM) thì giá trị thị trường được xác định là giá đóng cửa tại ngày 30 tháng 6 năm 2015.

Đối với các chứng khoán vốn của các công ty chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCoM) thì giá trị thị trường được xác định là giá trung bình của các mức giá giao dịch thực tế theo báo giá của ba công ty chứng khoán có giao dịch tại thời điểm gần nhất với thời điểm trích lập dự phòng.

Các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn trên sẽ được phản ánh theo giá mua thực tế.

3.11.2 *Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn khác*

Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư dài hạn khác được lập nếu tổ chức kinh tế mà Công ty đang đầu tư bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) vào cuối niên độ kế toán. Theo đó, mức trích lập dự phòng là chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ Vốn đầu tư của doanh nghiệp so với tổng vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

3.12 *Các khoản phải trả và chi phí trích trước*

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 Lợi ích của nhân viên

3.13.1 Trợ cấp nghỉ hưu

Nhân viên Công ty khi nghỉ hưu sẽ được nhận trợ cấp về hưu từ Bảo hiểm Xã hội thuộc Bộ Lao động và Thương binh Xã hội. Công ty sẽ phải đóng bảo hiểm xã hội cho mỗi nhân viên bằng 18% lương cơ bản hàng tháng của họ. Ngoài ra, Công ty không phải có một nghĩa vụ nào khác.

3.13.2 Trợ cấp thôi việc

Theo Bộ Luật Lao động, Công ty có nghĩa vụ chi trả trợ cấp thôi việc bằng một nửa tháng lương cộng với các trợ cấp khác (nếu có) cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 cho những nhân viên tự nguyện thôi việc. Tiền lương làm căn cứ tính trợ cấp thôi việc là tiền lương theo hợp đồng lao động, được tính bình quân của sáu tháng liền kề của người lao động trước khi thôi việc.

3.13.3 Bảo hiểm thất nghiệp

Công ty có nghĩa vụ đóng bảo hiểm thất nghiệp với mức bằng 1% quỹ tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người tham gia bảo hiểm thất nghiệp và trích 1% tiền lương, tiền công tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp của từng người lao động để đóng cùng lúc vào Quỹ Bảo hiểm Thất nghiệp.

3.14 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VNĐ) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch của ngân hàng thương mại vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản tại thời điểm này. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

3.15 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Trong trường hợp không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn bình quân của chứng khoán.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập, ngoại trừ cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi và cập nhật số lượng cổ phiếu nắm giữ mà không được ghi nhận là doanh thu.

Doanh thu cung cấp dịch vụ khác

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

3.16 Phương pháp tính giá vốn chứng khoán tự doanh bán ra

Công ty áp dụng phương pháp bình quân gia quyền di động để tính giá vốn đầu tư tự doanh.

3.17 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ. Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 Thuế thu nhập doanh nghiệp (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho giai đoạn tài chính mà tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

3.18 Vốn chủ sở hữu

Vốn cổ phần

Vốn cổ phần từ phát hành cổ phiếu được ghi vào tài khoản vốn điều lệ theo mệnh giá.

Thặng dư vốn cổ phần

Công ty phản ánh vào tài khoản thặng dư vốn cổ phần phần chênh lệch tăng do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá và chênh lệch tăng, giảm so với giá mua lại khi tái phát hành cổ phiếu quỹ.

3.19 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các nhà đầu tư/cổ đông sau khi được các cấp có thẩm quyền/đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

3.20 Trích lập các quỹ

Công ty sử dụng lợi nhuận sau thuế hàng năm sau khi bù đắp lỗ năm trước theo quy định của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp để trích lập các quỹ theo quy định tại Thông tư 146/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 6 tháng 10 năm 2014 như sau:

	<u>Mức trích lập từ lợi nhuận sau thuế</u>	<u>Mức trích lập tối đa</u>
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5%	10% vốn điều lệ
Quỹ dự phòng tài chính	5%	10% vốn điều lệ

Các quỹ khác được trích lập theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông. Việc trích lập các quỹ chỉ thực hiện hàng năm dựa trên số liệu báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2015 VNĐ	31/12/2014 VNĐ
Tiền mặt	1.475.464.328	1.659.340.882
Tiền gửi ngân hàng	115.861.653.612	107.936.968.260
<i>Trong đó: Tiền ký quỹ của nhà đầu tư</i>	<i>77.100.549.204</i>	<i>87.248.668.417</i>
Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán	784.609.000	2.995.897.200
<i>Trong đó: Tiền ký quỹ của nhà đầu tư</i>	<i>784.609.000</i>	<i>2.995.897.200</i>
Tiền gửi bán chứng khoán bảo lãnh phát hành	219.095.372	216.572.776
	<u>118.340.822.312</u>	<u>112.808.779.118</u>
Các khoản tương đương tiền	96.100.000.000	157.056.250.000
Tổng cộng	<u>214.440.822.312</u>	<u>269.865.029.118</u>

Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 1 tháng đến 3 tháng với lãi suất được hưởng từ 4,5% - 5,0%/năm. Theo điều khoản hợp đồng, Công ty có thể rút các khoản tiền gửi trên trước hạn với lãi suất không kỳ hạn.

Cho mục đích lập báo cáo lưu chuyển tiền tệ, tiền và các khoản tương đương bao gồm các khoản sau:

	30/06/2015 VNĐ	31/12/2014 VNĐ
Tiền	118.340.822.312	112.808.779.118
Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng	96.100.000.000	151.600.000.000
Tổng cộng	<u>214.440.822.312</u>	<u>264.408.779.118</u>

5. GIÁ TRỊ, KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH THỰC HIỆN TRONG KỲ

	<i>Khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ Cổ phiếu</i>	<i>Giá trị giao dịch thực hiện trong kỳ VNĐ</i>
Của Công ty		
- Cổ phiếu	3.763.294	60.314.804.800
Của nhà đầu tư		
- Cổ phiếu	<u>202.241.265</u>	<u>2.885.011.740.900</u>
Tổng cộng	<u>206.004.559</u>	<u>2.945.326.545.700</u>

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất

B09a-CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

6. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	Số lượng (đơn vị)	Giá trị theo sổ sách kế toán (VNĐ)	So với giá thị trường		Tổng giá trị theo giá thị trường (VNĐ)
			Tăng (VNĐ)	Giảm (VNĐ)	
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	4.994.013	84.227.832.429	6.355.367.294	(8.083.513.623)	82.499.686.100
- Cổ phiếu niêm yết	3.996.774	73.807.716.529	6.199.766.294	(5.197.777.423)	74.809.705.400
- Cổ phiếu chưa niêm yết	997.239	10.420.115.900	155.601.000	(2.885.736.200)	7.689.980.700
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	4.410.986	67.260.534.600	-	(5.830.930.153)	61.429.604.447
- Đầu tư chứng khoán dài hạn	30	15.000.000.000	-	-	15.000.000.000
- Chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn	4.410.956	52.260.534.600	-	(5.830.930.153)	46.429.604.447
- Đầu tư dài hạn khác					
Tổng cộng	9.404.999	151.488.367.029	6.355.367.294	(13.914.443.776)	143.929.290.547

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

6. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

6.1 Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

Chi tiêu	Số lượng (cổ phiếu)			Giá trị theo số kế toán (VNĐ)			So với giá thị trường (VNĐ)			Tổng giá trị theo giá thị trường (VNĐ)		
	30/06/2015	31/12/2014	30/06/2015	31/12/2014	30/06/2015	31/12/2014	30/06/2015	31/12/2014	30/06/2015	31/12/2014	30/06/2015	31/12/2014
Cổ phiếu niêm yết	3.996.774	3.945.080	73.807.716.529	73.728.235.709	6.199.766.294	6.980.217.774	(5.197.777.423)	(5.892.770.883)	74.809.705.400	74.815.682.600		
Công ty CP Gạch ngói Cao cấp M&C (MCC)	915.852	915.652	13.387.129.200	13.386.582.600	-	-	(107.275.200)	(2.124.063.000)	13.279.854.000	11.262.519.600		
Công ty Khoáng sản và Xây Dựng Bình Dương (KSB)	610.001	610.001	16.452.526.720	16.333.312.900	3.372.498.280	2.942.718.700	-	-	19.825.025.000	19.276.031.600		
Công ty CP Chứng khoán Kim Long (KLS)	380.092	205.152	4.089.548.600	2.366.652.600	-	-	(440.665.400)	(212.556.600)	3.648.883.200	2.154.096.000		
Công ty CP Bê tông Becamex (ACC)	346.522	346.519	7.362.779.020	7.362.685.870	2.478.445.780	3.691.270.230	-	-	9.841.224.800	11.053.956.100		
Cty CP Xây dựng và Giao thông Bình Dương (BCE)	310.027	304.019	3.266.467.375	3.206.095.375	-	-	(817.254.075)	(13.895.875)	2.449.213.300	3.192.199.500		
Công ty CP Phân đạm và Hóa chất Dầu khí (DPM)	246.760	212.000	8.680.175.730	7.639.397.330	-	-	(1.351.403.730)	(1.109.797.330)	7.328.772.000	6.529.600.000		
Công ty CP Đầu tư và Công nghiệp Tân Tạo (ITA)	214.035	115.012	1.668.347.560	985.202.480	-	-	(277.120.060)	(65.106.480)	1.391.227.500	920.096.000		
Công ty CP Dịch vụ - Du lịch Dầu khí (PET)	162.628	104.008	3.481.623.200	2.316.795.200	-	-	(668.158.800)	(163.829.600)	2.813.464.400	2.152.965.600		
Công ty CP Đầu tư Thương mại Bất động sản An Dương Tháo Điện (HAR)	152.015	92.000	1.556.169.000	1.031.061.000	-	-	(400.855.000)	(157.061.000)	1.155.314.000	874.000.000		
Cty CP Hoàng Anh Gia Lai (HAG)	145.019	114.004	3.402.167.500	2.779.922.670	-	-	(646.806.500)	(260.434.270)	2.755.361.000	2.519.488.400		
Công ty CP cơ điện lạnh (REE)	126.015	87.510	3.483.114.080	2.502.488.790	-	-	(93.310.580)	(34.706.790)	3.389.803.500	2.467.782.000		
Công ty CP Kinh doanh và Phát triển Bình Dương (TDC)	125.000	83.000	1.278.586.280	885.326.280	-	-	(216.086.280)	(5.526.280)	1.062.500.000	879.800.000		
Tổng công ty CP Vận tải Dầu khí (PVT)	121.008	35.008	1.576.549.880	541.631.480	-	-	(124.453.880)	(51.519.480)	1.452.096.000	490.112.000		
Cty CP Dược Đông Tháp DOMESCO	60.000	-	732.000.000	-	48.000.000	-	-	-	780.000.000	-		
Công ty CP Đá núi nhỏ (NNC)	25.500	6.000	1.114.641.020	257.391.020	173.108.980	30.608.980	-	-	1.287.750.000	288.000.000		
Công ty CP Cao su Đà Nẵng (DRC)	21.172	26.602	1.162.878.480	1.442.080.330	-	47.631.670	(40.762.480)	-	1.122.116.000	1.489.712.000		
NH TMCP Ngoại thương Việt Nam (VCB)	18.004	52.007	789.525.990	1.428.073.010	89.069.210	230.950.290	-	-	878.595.200	1.659.023.300		
NH TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BID)	10.000	436.100	212.665.000	7.074.289.000	8.335.000	-	-	(1.535.819.000)	221.000.000	5.538.470.000		
Cổ phiếu niêm yết khác	7.124	200.486	110.821.894	2.189.247.774	30.309.044	37.037.904	(13.625.438)	(158.455.178)	127.505.500	2.067.830.500		
Cổ phiếu chưa niêm yết	997.239	693.218	10.420.115.900	8.045.139.260	155.601.000	202.900	(2.885.736.200)	(3.939.858.060)	7.689.980.700	4.105.484.100		
Công ty CP Khoáng sản Becamex (BMJ)	340.413	334.213	3.911.089.100	3.855.479.200	-	-	(1.017.578.600)	(1.749.937.300)	2.893.510.500	2.105.541.900		
Công ty CP Phát triển Đô thị - Becamex (UDJ)	564.060	266.460	4.639.100.000	2.320.372.900	155.410.000	-	-	(321.922.900)	4.794.510.000	1.998.450.000		
Công ty CP Nước giải khát Sài Gòn (TRI)	50.308	50.308	972.722.380	972.722.380	-	-	(972.722.380)	(972.722.380)	-	-		
Công ty CP Bông Bạch Tuyết (BBT)	41.400	41.400	888.030.160	888.030.160	-	-	(888.030.160)	(888.030.160)	-	-		
Cổ phiếu chưa niêm yết khác	1.058	837	9.174.260	8.534.620	191.000	202.900	(7.405.060)	(7.245.320)	1.960.200	1.492.200		
Tổng cộng	4.994.013	4.638.298	84.227.832.429	81.773.374.969	6.355.367.294	6.980.420.674	(8.083.513.623)	(9.832.628.943)	82.499.686.100	78.921.166.700		

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đề Nhất

B09a-CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

6. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

6.2 Đầu tư chứng khoán dài hạn

Chỉ tiêu	Số lượng (trái phiếu)		Giá trị theo sổ kế toán (VNĐ)	
	30/06/2015	31/12/2014	30/06/2015	31/12/2014

Chứng khoán nắm giữ tới ngày đáo hạn

Công ty Cổ phần Xây dựng và Dịch vụ Công cộng Bình Dương

30	30	15.000.000.000	15.000.000.000
----	----	----------------	----------------

Trái phiếu có kỳ hạn 5 năm kể từ ngày 1 tháng 10 năm 2013, áp dụng lãi suất thả nổi, lãi trả định kỳ 6 tháng và gốc trả vào ngày đáo hạn, lãi suất hiện tại là 8%/năm.

6.3 Đầu tư dài hạn khác

Chỉ tiêu	Số lượng (cổ phiếu)		Giá trị theo sổ kế toán (VNĐ)	
	30/06/2015	31/12/2014	30/06/2015	31/12/2014
Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hùng Vương	1.380.000	1.380.000	13.800.000.000	13.800.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Bất Động Sản Bình Dương (Becamex)	1.049.857	1.049.857	11.441.814.000	11.441.814.000
Công ty Cổ phần Bọt mĩ Bình An	533.333	533.333	7.920.000.000	7.920.000.000
Công ty Cổ phần Dược và Vật tư Y tế Bình Dương	367.000	367.000	5.481.420.600	5.481.420.600
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Chánh Phú Hòa	213.465	213.465	4.520.000.000	4.520.000.000
Công ty Cổ phần Xây dựng Giao thông Thủy lợi Bình Dương	181.900	181.900	3.273.100.000	3.273.100.000
Tổng Công ty Điện tử và Tin học Việt Nam	200.000	200.000	2.100.000.000	2.100.000.000
Công ty Cổ phần Xây dựng và Dịch vụ Công cộng Bình Dương	300.001	300.001	1.701.660.000	1.701.660.000
Công ty Cổ phần Điện tử Biên Hòa	100.000	100.000	1.160.000.000	1.160.000.000
Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Thanh Lễ	85.400	85.400	862.540.000	862.540.000
Tổng cộng	4.410.956	4.410.956	52.260.534.600	52.260.534.600

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, khoản đầu tư dài hạn vào Công ty Cổ phần Bọt mĩ Bình An có phát sinh khoản dự phòng giảm giá là 5.830.930.153 đồng (Thuyết minh số 7).

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

7. DỰ PHÒNG GIẢM GIÁ CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

	30/06/2015 VNĐ	31/12/2014 VNĐ
Đầu tư ngắn hạn	8.083.513.623	9.832.628.943
Trong đó:		
- Cổ phiếu niêm yết	5.197.777.423	5.892.770.883
- Cổ phiếu chưa niêm yết	2.885.736.200	3.939.858.060
Đầu tư dài hạn khác	5.830.930.153	5.792.460.622
Tổng cộng	13.914.443.776	15.625.089.565

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng giảm giá đầu tư:

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 VNĐ	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 VNĐ
Số dư đầu kỳ	15.625.089.565	9.773.826.765
Hoàn nhập dự phòng trong kỳ (Thuyết minh số 17)	(1.710.645.789)	(2.670.550.020)
Số dư cuối kỳ	13.914.443.776	7.103.276.745

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất

B09a-CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

8. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN

8.1 Chi tiết các khoản phải thu ngắn hạn

Chỉ tiêu	31/12/2014			Số phát sinh trong kỳ			30/06/2015			VNĐ
	Tổng số	Số quá hạn	Số khó đòi	Tăng	Giảm	Tổng số	Số quá hạn	Số khó đòi	Số dự phòng	
1. Phải thu khách hàng	-	-	-	185.000.000	(160.000.000)	25.000.000	-	-	-	-
- Phải thu phí tư vấn	-	-	-	185.000.000	(160.000.000)	25.000.000	-	-	-	-
2. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	34.868.472.588	-	-	843.473.048.057	(786.303.694.933)	92.037.825.712	-	-	-	-
- Đặt cọc đầu giá mua chứng khoán tự doanh	2.813.894.375	-	-	31.913.640.490	(34.727.534.865)	-	-	-	-	-
- Phải thu dịch vụ ứng trước cho nhà đầu tư	32.054.578.213	-	-	720.264.681.171	(715.163.386.429)	37.155.872.955	-	-	-	-
- Phải thu khách hàng về nghiệp vụ giao dịch ký quỹ	-	-	-	91.294.726.396	(36.412.773.639)	54.881.952.757	-	-	-	-
3. Các khoản phải thu khác	6.646.833.305	5.741.421.711	-	5.427.331.026	(5.468.766.913)	6.605.397.418	5.703.698.619	-	5.703.698.619	-
- Phải thu nhân viên	4.687.583.411	4.687.583.411	-	-	(33.975.000)	4.653.608.411	4.653.608.411	-	4.653.608.411	-
- Dự thu lãi tiền gửi ngân hàng và lãi trái phiếu	771.735.971	-	-	598.405.555	(771.735.971)	598.405.555	-	-	-	-
- Các khoản phải thu ngắn hạn khác	1.187.513.923	1.053.838.300	-	4.828.925.471	(4.663.055.942)	1.353.383.452	1.050.090.208	-	1.050.090.208	-
Tổng cộng	41.515.305.893	5.741.421.711	-	849.085.379.083	(791.932.461.846)	98.668.223.130	5.703.698.619	-	5.703.698.619	-

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

8. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN (tiếp theo)

8.2 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 VNĐ</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 VNĐ</i>
Số dư đầu kỳ	5.741.421.711	5.596.414.718
Hoàn nhập trong kỳ	(37.723.092)	(73.023.726)
Số dư cuối kỳ	<u>5.703.698.619</u>	<u>5.523.390.992</u>

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc VNĐ	Máy móc thiết bị VNĐ	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VNĐ	Thiết bị, dụng cụ quản lý VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Số dư đầu kỳ và cuối kỳ	12.133.175.000	8.151.329.414	3.496.707.425	695.857.797	24.477.069.636
Khấu hao lũy kế					
Số dư đầu kỳ	4.043.391.699	8.064.239.686	2.290.512.709	695.857.797	15.094.001.891
Khấu hao trong kỳ	242.603.502	47.149.556	52.249.998	-	342.003.056
Số dư cuối kỳ	4.285.995.201	8.111.389.242	2.342.762.707	695.857.797	15.436.004.947
Giá trị còn lại					
Số dư đầu kỳ	8.089.783.301	87.089.728	1.206.194.716	-	9.383.067.745
Số dư cuối kỳ	7.847.179.799	39.940.172	1.153.944.718	-	9.041.064.689

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 là 10.764.506.603 đồng.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm tin học VNĐ
Nguyên giá	
Số dư đầu kỳ và cuối kỳ	7.963.645.031
Hao mòn lũy kế	
Số dư đầu kỳ	7.219.744.376
Hao mòn trong kỳ	141.506.692
Số dư cuối kỳ	7.361.251.068
Giá trị còn lại	
Số dư đầu kỳ	743.900.655
Số dư cuối kỳ	602.393.963

11. TIỀN NỘP QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán phản ánh các khoản tiền ký quỹ tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam. Theo Quyết định số 45/QĐ-VSD ngày 22 tháng 5 năm 2014 của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam, Công ty phải ký quỹ một khoản tiền ban đầu là 120 triệu đồng và hàng năm phải đóng thêm 0,01% tổng giá trị chứng khoán môi giới của năm trước nhưng không quá 2,5 tỷ đồng/năm.

Biến động tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán trong kỳ như sau:

	30/06/2015 VNĐ	31/12/2014 VNĐ
Tiền nộp ban đầu	120.000.000	120.000.000
Tiền nộp bổ sung	7.385.427.127	6.296.402.872
Lãi nhận được	-	456.702.824
	7.505.427.127	6.873.105.696

12. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

	Số dư đầu kỳ VNĐ	Phát sinh trong kỳ		Số dư cuối kỳ VNĐ
		Số phải nộp VNĐ	Số đã nộp VNĐ	
Thuế TNDN (Thuyết minh số 19.1)	1.077.034.033	2.409.480.525	(1.885.147.530)	1.601.367.028
Thuế TNCN của nhà đầu tư	368.209.646	1.780.804.336	(1.920.560.205)	228.453.777
Thuế TNCN của nhân viên	37.723.171	111.265.706	(86.573.944)	62.414.933
Thuế giá trị gia tăng	68.352.815	417.929.049	(413.126.497)	73.155.367
	1.551.319.665	4.719.479.616	(4.305.408.176)	1.965.391.105

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

13. PHẢI TRẢ HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

	30/06/2015 VNĐ	31/12/2014 VNĐ
Phải trả nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán	100.073.369.572	87.827.267.459
Phải trả Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam	784.609.000	2.995.897.200
	100.857.978.572	90.823.164.659

14. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2015 VNĐ	31/12/2014 VNĐ
Phải trả hộ cổ tức	2.277.856.191	2.219.807.056
Kinh phí công đoàn	126.713.886	148.145.223
Phải trả phải nộp khác	428.235.721	681.018.910
Tổng cộng	2.832.805.798	3.048.971.189

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU

15.1 Chi tiết vốn góp

	30/06/2015 VNĐ	31/12/2014 VNĐ
Vốn góp	300.000.000.000	300.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	924.317.200	924.317.200
Tổng cộng	300.924.317.200	300.924.317.200

15.2 Cổ phiếu

	30/06/2015 Cổ phiếu	31/12/2014 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	30.000.000	30.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành		
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ		
Cổ phiếu phổ thông	30.000.000	30.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	30.000.000	30.000.000

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

15.3 Cổ tức

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015	VNĐ Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014
Số dư đầu kỳ	-	15.000.000.000
Phải trả trong kỳ	15.000.000.000	-
Đã trả trong kỳ	(15.000.000.000)	(15.000.000.000)
Số dư cuối kỳ	-	-

Trong kỳ, Công ty đã thực hiện chi trả tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2014 theo danh sách cổ đông chốt ngày 31/12/2014 với tỷ lệ 5% theo Quyết định số 02/2015/HĐQT ngày 12 tháng 2 năm 2015.

15.4 Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu

Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu.

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VNĐ)	12.728.368.617	19.615.421.184
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu)	30.000.000	30.000.000
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VNĐ/cổ phiếu)	424	654

16. DOANH THU KHÁC

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 VNĐ	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 VNĐ
Lãi tiền gửi ngân hàng	3.126.008.339	5.492.554.421
Phí thu từ hoạt động tài trợ chứng khoán	1.918.195.870	2.045.972.429
Doanh thu hoạt động giao dịch ký quỹ	1.401.903.000	-
Phí thu từ hoạt động ứng trước cho nhà đầu tư	911.477.063	1.110.278.739
Phí quản lý tài khoản vay cầm cố	764.413.019	1.015.253.990
Doanh thu khác	40.477.092	301.593.372
Tổng cộng	8.162.474.383	9.965.652.951

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

17. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 VNĐ</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 VNĐ</i>
Chi phí nhân viên	2.105.191.918	2.074.905.666
Chi phí bằng tiền	1.273.440.381	2.155.730.600
Chi phí hoạt động môi giới chứng khoán	878.700.733	1.591.682.284
Chi phí hoạt động lưu ký	393.844.413	418.844.850
Chi phí khấu hao tài sản cố định	157.735.726	633.064.133
Chi phí hoạt động đầu tư chứng khoán	105.860.100	1.579.858.328
Chi phí khác	690.864.650	769.019.965
	<u>5.605.637.921</u>	<u>9.223.105.826</u>
Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán (Thuyết minh số 7)	<u>(1.710.645.789)</u>	<u>(2.670.550.020)</u>
Tổng cộng	<u>3.894.992.132</u>	<u>6.552.555.806</u>

18. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 VNĐ</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 VNĐ</i>
Chi phí nhân viên quản lý	1.221.964.491	1.212.167.935
Chi phí khấu hao tài sản cố định	325.774.022	273.524.052
Chi phí dịch vụ mua ngoài	293.480.036	298.561.185
Chi phí khác	631.757.997	1.047.766.139
	<u>2.472.976.546</u>	<u>2.832.019.311</u>

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

19. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

19.1 Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") với mức thuế suất là 22% trên tổng lợi nhuận chịu thuế trong kỳ.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả được ước tính dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ trước và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong kỳ được ước tính như sau:

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 VNĐ	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 VNĐ
Lợi nhuận thuần trước thuế	15.137.849.142	23.145.908.740
Trừ:		
- Thu nhập từ cổ tức không chịu thuế	(4.185.664.940)	(7.098.238.033)
Thu nhập chịu thuế ước tính trong kỳ hiện hành	10.952.184.202	16.047.670.707
Chi phí thuế TNDN ước tính	2.409.480.525	3.530.487.556
Thuế TNDN phải nộp đầu kỳ	1.077.034.033	4.161.424.328
Thuế TNDN đã nộp trong kỳ	(1.885.147.530)	(6.363.083.944)
Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ	1.601.367.028	1.328.827.940

19.2 Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Không có khoản thuế thu nhập hoãn lại nào được ghi nhận do không có khoản mục chênh lệch tạm thời trọng yếu nào giữa giá trị ghi sổ và giá trị cơ sở tính thuế của tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính giữa niên độ.

20. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ bao gồm:

Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị VNĐ
Các công ty con của tổ chức kinh tế có ảnh hưởng đáng kể đến Công ty	Bán chứng khoán	2.216.149.000
	Mua chứng khoán	4.984.059.150
	Cổ tức nhận được	866.305.000
	Phí tư vấn	85.000.000

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

20. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc:

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 VNĐ</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 VNĐ</i>
Lương và thưởng	<u>1.193.256.865</u>	<u>1.384.905.738</u>

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản phải trả với các bên liên quan như sau:

<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>VNĐ Phải trả</i>
Các công ty con của tổ chức kinh tế có ảnh hưởng đáng kể đến Công ty	Cổ tức trả hộ	445.706.695

21. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Ban Tổng Giám đốc của Công ty xem xét, đánh giá và quyết định không lập báo cáo bộ phận và trình bày thông tin này do hoạt động kinh doanh chính của Công ty là môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán và giao dịch ký quỹ chứng khoán. Kết quả hoạt động được trình bày trong phần doanh thu và chi phí hoạt động kinh doanh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ. Về mặt địa lý thì Công ty chỉ hoạt động trong lãnh thổ Việt Nam.

22. CÁC CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty hiện đang ký kết hợp đồng thuê hoạt động của văn phòng chi nhánh Hà Nội tại số 81 - 83 phố Lò Đúc, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội và hợp đồng thuê hoạt động của văn phòng trụ sở chính tại số 9 Hoàng Văn Thụ, Khu Đô thị Chánh Nghĩa, Thị xã Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương.

Tại thời điểm cuối kỳ, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	<i>30/06/2015 VNĐ</i>	<i>31/12/2014 VNĐ</i>
Đến 1 năm	1.174.773.408	1.174.773.408
Trên 1 đến 5 năm	<u>2.249.546.816</u>	<u>2.836.933.520</u>
Tổng cộng	<u>3.424.320.224</u>	<u>4.011.706.928</u>

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

23. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả liên quan đến các hoạt động kinh doanh chứng khoán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của những khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ các hoạt động của Công ty. Công ty có các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Công ty không nắm giữ hay phát hành công cụ tài chính phái sinh.

Công ty thực hiện khung quản lý rủi ro toàn diện như sau:

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản phải thu và phải trả, tiền gửi, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty. Đây là các khoản đầu tư ngắn hạn, và không được Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ sự tăng lên trong giá trị.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 vì đa phần các khoản tiền gửi ngân hàng có lãi suất cố định.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính biến động do thay đổi tỷ giá ngoại tệ hối đoái. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến các hoạt động kinh doanh của Công ty (khi doanh thu và chi phí được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng tiền kế toán hạch toán của Công ty).

Rủi ro do sự thay đổi tỷ giá hối đoái của Công ty là không đáng kể do phần lớn các tài sản và nợ phải trả của Công ty bằng VNĐ.

Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý giá rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

Tại ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết của Công ty là 74.809.705.400 đồng (ngày 31 tháng 12 năm 2014: 74.815.682.600 đồng).

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng do khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu từ nghiệp vụ tài trợ giao dịch chứng khoán và giao dịch ký quỹ) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

23. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Rủi ro tín dụng (tiếp theo)

Phải thu khách hàng

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Các phân tích về khả năng lập dự phòng được thực hiện tại ngày lập báo cáo giữa niên độ trên cơ sở từng khách hàng đối với các khách hàng lớn. Công ty tìm cách duy trì kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và thành lập một bộ phận kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng.

Theo quan điểm đã nói ở trên và thực tế rằng các khoản phải thu khách hàng của Công ty dành cho một số lượng lớn khách hàng đa dạng, do đó không có rủi ro tập trung về tín dụng.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng từ số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận kế toán của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trong bảng cân đối kế toán tại mỗi kỳ lập báo cáo chính giữa niên độ là giá trị ghi sổ như trình bày trong *Thuyết minh số 4*. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở chưa được chiết khấu:

	<i>Bất cứ thời điểm nào</i> VNĐ	<i>Tổng cộng</i> VNĐ
Số dư cuối kỳ		
Phải trả người bán	301.130.000	301.130.000
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	100.857.978.572	100.857.978.572
Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	45.816	45.816
Phải trả tổ chức phát hành chứng khoán	214.656.372	214.656.372
Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.706.091.912	2.706.091.912
	104.079.902.672	104.079.902.672
Số dư đầu kỳ		
Phải trả người bán	433.884.000	433.884.000
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	90.823.164.659	90.823.164.659
Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	45.816	45.816
Phải trả tổ chức phát hành chứng khoán	212.122.776	212.122.776
Các khoản phải trả, phải nộp khác	305.018.910	305.018.910
	91.774.236.161	91.774.236.161

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn thanh toán trong vòng 12 tháng có thể được tái tục với các bên cho vay hiện tại.

Tài sản đảm bảo

Công ty không cầm cố, thế chấp dưới dạng hình thức nào cho các khoản nợ vào ngày lập báo cáo giữa niên độ này.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

24. THUYẾT MINH BỔ SUNG THÔNG TIN VỀ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH THEO THÔNG TƯ SỐ 210/2009/TT-BTC

Ngày 6 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ("Thông tư 210") có hiệu lực cho các năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2011.

Do Thông tư 210 chỉ quy định việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính, các khái niệm về tài sản tài chính, nợ phải trả tài chính và các khái niệm liên quan như được trình bày sau đây chỉ áp dụng đối với việc lập các thuyết minh này. Các khoản mục tài sản, nợ phải trả và vốn chủ sở hữu của Công ty vẫn được ghi nhận và hạch toán theo các quy định hiện hành của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, các quy định, hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan.

Phần bên dưới trình bày các thuyết minh bổ sung theo yêu cầu của Thông tư 210 đối với các công cụ tài chính.

Tài sản tài chính

Các tài sản tài chính của Công ty theo phạm vi của Thông tư 210 bao gồm tiền mặt, tiền gửi tại ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn, các khoản phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán và các khoản phải thu khác.

Theo Thông tư 210, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính giữa niên độ, thành một trong các loại sau:

- *Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:*

Là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- a) Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - ✓ Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/mua lại trong thời gian ngắn.
 - ✓ Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - ✓ Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- b) Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp tài sản tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

- *Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:*

Là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- a) Các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.
- b) Các tài sản tài chính đã được xếp vào nhóm sẵn sàng để bán.
- c) Các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

24. THUYẾT MINH BỔ SUNG THÔNG TIN VỀ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH THEO THÔNG TƯ SỐ 210/2009/TT-BTC (tiếp theo)

Tài sản tài chính (tiếp theo)

▪ Các khoản cho vay và phải thu:

Là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- Các khoản mà Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh và cũng như các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.
- Các khoản được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- Các khoản mà Công ty nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

▪ Tài sản sẵn sàng để bán:

Là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- Các khoản cho vay và các khoản phải thu.
- Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn.
- Các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty theo phạm vi của Thông tư 210 bao gồm các khoản phải trả người bán, các khoản phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán, các khoản phải trả hộ cổ tức, các khoản phải trả tổ chức phát hành chứng khoán và các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác.

Theo Thông tư 210, nợ phải trả tài chính, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính giữa niên độ, được phân loại một cách phù hợp thành:

▪ Các nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/mua lại trong thời gian ngắn.
 - Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

24. THUYẾT MINH BỔ SUNG THÔNG TIN VỀ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH THEO THÔNG TƯ SỐ 210/2009/TT-BTC (tiếp theo)

Nợ phải trả tài chính (tiếp theo)

- Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại vào nhóm được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại vào nhóm các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Bù trừ các tài sản và nợ phải trả tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ chỉ khi Công ty có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

Xác định giá trị hợp lý của công cụ tài chính

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây để ước tính giá trị hợp lý:

- ▶ Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- ▶ Giá trị hợp lý của các khoản phải thu được Công ty đánh giá dựa trên các thông tin như tình hình thị trường và khả năng trả nợ vay của từng khách hàng. Trên cơ sở đánh giá này, Công ty ước tính dự phòng cho phần không thu hồi được theo dự tính của các khoản phải thu này. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, giá trị ghi sổ của các khoản phải thu sau khi trừ đi dự phòng không khác biệt đáng kể với giá trị hợp lý.
- ▶ Giá trị hợp lý của các trái phiếu niêm yết được xác định dựa trên giá công bố tại ngày lập báo cáo. Giá trị hợp lý của công cụ chưa được niêm yết và các nợ phải trả tài chính khác được ước tính bằng cách tham khảo các nguồn thông tin uy tín và đáng tin cậy trên thị trường.
- ▶ Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được xác định dựa trên giá công bố, nếu có, trên các thị trường có giao dịch.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

24. THUYẾT MINH BỔ SUNG THÔNG TIN VỀ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH THEO THÔNG TƯ SỐ 210/2009/TT-BTC (tiếp theo)

Bảng dưới đây trình bày so sánh giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty:

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Tài sản tài chính				
Các khoản đầu tư được xếp vào tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh				
- Cổ phiếu niêm yết	68.609.939.106	67.835.464.826	74.809.705.400	74.815.682.600
- Cổ phiếu chưa niêm yết	7.534.379.700	4.105.281.200	7.689.980.700	4.105.484.100
Các khoản đầu tư sẵn sàng để bán				
- Chứng khoán chưa niêm yết (*)	46.429.604.447	46.468.073.978	46.429.604.447	46.468.073.978
Chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn (*)	15.000.000.000	15.000.000.000	15.000.000.000	15.000.000.000
Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	92.037.825.712	34.868.472.588	92.037.825.712	34.868.472.588
Các khoản phải thu khác	901.698.799	905.411.594	901.698.799	905.411.594
Tiền và các khoản tương đương tiền	214.440.822.312	269.865.029.118	214.440.822.312	269.865.029.118
Tổng cộng	444.954.270.076	439.047.733.304	451.309.637.370	446.028.153.978
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả người bán	301.130.000	433.884.000	301.130.000	433.884.000
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	100.857.978.572	90.823.164.659	100.857.978.572	90.823.164.659
Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	45.816	45.816	45.816	45.816
Phải trả tổ chức phát hành chứng khoán	214.656.372	212.122.776	214.656.372	212.122.776
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	2.706.091.912	305.018.910	2.706.091.912	305.018.910
Tổng cộng	104.079.902.672	91.774.236.161	104.079.902.672	91.774.236.161

(*) Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ tài chính này không thể xác định do các Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc tính toán. Do đó, Công ty sử dụng giá trị ghi sổ là giá trị hợp lý cho mục đích trình bày báo cáo tài chính.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

25. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong báo cáo tài chính giữa niên độ.

Người lập:



Huỳnh Thị Mai
Kế toán Trưởng

Người kiểm soát:



Bùi Thị Hồng Tuyền
Trưởng phòng Kiểm soát Nội bộ

Người phê duyệt:



Trần Thiện Thể
Tổng Giám đốc

Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Ngày 10 tháng 8 năm 2015